TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **31**/2018/DS-PT
Ngày: 26/01/2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Lịnh

Các thẩm phán: - Ông Phan Văn Thuấn

- Bà Ngô Thị Minh Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2017/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa ra vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2017/QĐPT - ngày 08/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2017 ngày 08/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Tạ Thị T**, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 1157, ấp PH, xã MTB, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

2. Đồng bị đơn:

- Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 20 đường NTT, khu phố 3, phường RS, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Anh **Đường Khắc T**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

ĐKTT: Số nhà 37 đường LL, phường TQ, quận TP, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 57-59A đường số 7A, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Trần Thị Kính:* Ông **Phạm Văn C** - Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Văn C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

* Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn bà Tạ Thị T trình bày***: Bà cho bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T vay tiền nhiều lần với tổng số tiền gốc là 540.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 05/5/2013 vay 100.000.000đ, lãi suất 5%/tháng;

- Ngày 16/12/2013 vay 30.000.000đ, lãi suất 5%/tháng;

- Ngày 29/4/2014 vay 60.000.000đ, lãi suất 5%/tháng;

- Ngày 12/5/2014 vay 50.000.000đ, lãi suất 5%/tháng;

- Ngày 21/7/2014 vay 60.000.000đ, lãi suất 7%/tháng;

- Ngày 11/10/2014 vay 40.000.000đ, lãi suất 6%/tháng;

- Ngày 17/12/2014 vay 200.000.000đ, lãi suất 5%/tháng.

Trong các lần vay tiền nêu trên, anh Đường Khắc T có cùng bà K ký vào 02 biên nhận vay 100.000.000đ ngày 05/5/2013 và 200.000.000đ ngày 17/12/2014.

Khi vay, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc, mà chỉ thõa thuận trả lãi hàng tháng, khi nào cần trả lại tiền vốn thì báo cho bà K biết trước 01 tháng.

Đối với tiền gốc, đến ngày 09/5/2016 bà K đã trả cho bà được 40.000.000đ.

Đối với tiền lãi thì bà K đã trả như sau:

- Đối với 100.000.000đ vay ngày 05/5/2013, đã trả lãi 95.000.000đ;

- Đối với 30.000.000đ vay ngày 16/12/2013, đã trả lãi 19.500.000đ;

- Đối với 60.000.000đ vay ngày 29/4/2014, đã trả lãi 30.000.000đ;

- Đối với 50.000.000đ vay ngày 12/5/2014, đã trả lãi 15.000.000đ;

- Đối với 60.000.000đ vay ngày 21/7/2014, đã trả lãi 16.800.000đ;

- Đối với 40.000.000đ vay ngày 11/10/2014, đã trả lãi 2.400.000đ;

- Đối với 200.000.000đ vay ngày 17/12/2014, đã trả lãi 41.200.000đ.

Tổng cộng đã trả lãi được 219.900.000đ.

Việc bà K cho rằng trong số tiền vay 500.000.000đ có tiền lãi nhập vốn khoảng 216.900.000đ là không đúng, vì bà Kính trả lãi thì bà đều có ký nhận theo từng biên nhận.

Bà yêu cầu buộc bà K và anh T cùng liên đới trả cho bà một lần đủ số tiền gốc đã vay là 500.000.000đ và yêu cầu phải trả tiền lãi theo lãi suất theo quy định pháp

luật từ ngày bà K không đóng lãi đối với từng lần vay cho đến khi giải quyết xong vụ án. Đối với số tiền lãi bà K đã trả, bà yêu cầu không xem xét lại, vì khi vay hai bên đồng ý thỏa thuận với nhau theo mức lãi đó.

*** Bị đơn bà Trần Thị K trình bày:**

Thừa nhận có vay tiền của bà Tạ Thị T nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 05/5/2013 bà cùng với Đường Khắc T ký vay 100.000.000đ, lãi suất 5%/tháng;

- Ngày 16/12/2013 vay 30.000.000đ, lãi suất 5%/tháng;

- Ngày 29/4/2014 vay 60.000.000đ, lãi suất 5%/tháng;

- Ngày 12/5/2014 vay 50.000.000đ, lãi suất 5%/tháng;

- Ngày 21/7/2014 vay 60.000.000đ, lãi suất 7%/tháng;

- Ngày 11/10/2014 vay 40.000.000đ, lãi suất 6%/tháng;

- Ngày 17/12/2014 bà cùng với Đường Khắc T vay 200.000.000đ, lãi suất 5%/tháng.

Tổng cộng số tiền vay gốc là 540.000.000đ, đến ngày 09/5/2016 đã trả được 40.000.000đ tiền gốc, còn nợ lại 500.000.000đ tiền gốc, nhưng thực chất trong 500.000.000đ còn nợ có khoảng 216.900.000đ tiền lãi nhập vào tiền gốc nhưng bà không có chứng cứ gì để chứng minh.

Về tiền lãi, đến nay bà đã trả lãi cho bà T tổng cộng 219.900.000đ, cụ thể như sau:

- Đối với 100.000.000đ vay ngày 05/5/2013, đã trả lãi 95.000.000đ;

- Đối với 30.000.000đ vay ngày 16/12/2013, đã trả lãi 19.500.000đ;

- Đối với 60.000.000đ vay ngày 29/4/2014, đã trả lãi 30.000.000đ;

- Đối với 50.000.000đ vay ngày 12/5/2014, đã trả lãi 15.000.000đ;

- Đối với 60.000.000đ vay ngày 21/7/2014, đã trả lãi 16.800.000đ;

- Đối với 40.000.000đ vay ngày 11/10/2014, đã trả lãi 2.400.000đ;

- Đối với 200.000.000đ vay ngày 17/12/2014, đã trả lãi 41.200.000đ.

Trong các lần vay trên thì Đường Khắc T có cùng bà ký vào 02 biên nhận vay chung tổng cộng 300.000.000đ, đã trả được 40.000.000đ gốc như nêu trên, còn lại 260.000.000đ chưa trả. Nay bà yêu cầu buộc một mình Đường Khắc T đứng ra trả cho bà T 260.000.000đ tiền gốc còn thiếu và lãi suất theo quy định pháp luật, có khấu trừ tiền lãi đã trả. Còn các biên nhận khác, Đường Khắc T không ký là nợ riêng của bà (đến nay còn nợ là 240.000.000đ), không yêu cầu T phải chịu trách nhiệm cùng bà trả cho bà T, bà đồng ý tự trả cho bà T số tiền gốc một mình bà ký vay hiện còn nợ là 240.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật theo từng biên nhận,

khấu trừ tiền lãi mà bà đã trả cho bà T. Yêu cầu được trả dần trong thời hạn 18 tháng, mỗi quý trả 10.000.000đ, số còn lại sẽ trả cuối thời hạn 18 tháng.

*** Bị đơn anh Đường Khắc T trình bày:**

Thừa nhận có cùng bà K ký tên vào 02 biên nhận vay tiền của bà T, gồm biên nhận ngày 05/5/2013 vay 100.000.000đ, lãi suất 5%/tháng và biên nhận ngày 17/12/2014 vay 200.000.000đ, lãi suất 5%/tháng (tổng cộng hai lần vay là 300.000.000đ). Còn những lần bà Kính vay tiền của bà T anh không cùng ký nhận nợ thì anh không có liên quan.

Đối với tổng số tiền 300.000.000đ mà anh cùng bà K ký biên nhận vay của bà T nêu trên, tính đến nay đã trả được 40.000.000đ gốc, nay còn nợ lại bà T 260.000.000đ tiền gốc. Còn lãi thì đã trả như sau: đối với 100.000.000đ vay ngày 05/5/2013 đã trả lãi được 95.000.000đ; đối với 200.000.000đ vay ngày 17/12/2014 đã trả lãi được 41.200.000đ.

Nay theo yêu cầu của bà T, anh đồng ý tự chịu trách nhiệm trả cho bà T 260.000.000đ còn thiếu trong tổng số 300.000.000đ của hai lần vay mà anh cùng bà K ký nhận nợ, không yêu cầu bà K cùng anh chịu trách nhiệm trả số tiền này, đồng thời yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định pháp luật, khấu trừ số tiền lãi đã trả. Về thời gian, phương thức trả, yêu cầu được trả dần trong thời hạn 18 tháng, mỗi quý trả 10.000.000đ, số còn lại sẽ trả cuối thời hạn 18 tháng. Đối với những lần bà K vay tiền của bà T mà anh không ký biên nhận nợ thì đó là nợ riêng của bà K, anh không liên quan nên không đồng ý chịu trách nhiệm trả.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28 ngày 31/7/2017 Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với bị đơn bà Trần Thị K, anh Đường Khắc T.

- Buộc bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T phải trả cho bà Tạ Thị T số tiền vay gốc là 245.060.000đ.

- Buộc bà Trần Thị K phải trả cho bà Tạ Thị T số tiền vay gốc là 240.000.000đ và 18.712.500đ tiền lãi, tổng cộng là 258.712.500đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm chịu lãi chậm thi hành án, về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T kháng cáo với nội dung:

- Bà K yêu cầu xem xét lại đối với 04 biên nhận mà bà Tuyến đã nhận lãi của bà nhưng Tòa sơ thẩm chưa tính với số tiền là 41.200.000đ; Yêu cầu được chịu trách nhiệm trả cho bà T ½ số tiền nợ gốc của biên nhận có Đường Khắc T ký vay; Xin trả dần trong thời hạn 18 tháng; xin được miễn, giảm án phí.

- Anh Đường Khắc T yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét cho anh được chịu trách nhiệm trả ½ số tiền nợ gốc của số tiền 245.060.000đ; xin trả dần trong thời hạn 18 tháng; xin được miễn, giảm án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn Tạ Thị T có ý kiến: vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với bà K và anh T; không đồng ý theo ý kiến của bà K và anh T là tách ra quy định rõ bà K và anh T mỗi người trả ½ số tiền cả hai người cùng ký vay đến nay còn nợ, mà yêu cầu buộc cả hai người phải cùng chịu trách nhiệm trả; đối với tiền lãi bà K đã trả, ở cấp sơ thẩm do bà nhầm lẫn nên tính còn thiếu 5.000.000đ so với tổng số tiền lãi thực tế bà K đã trả, đồng ý tiếp tục tính trừ thêm cho bà K 5.000.000đ tiền lãi đã trả; không đồng ý theo phương thức, thời gian hẹn trả tiền nhiều lần như bà K nêu ra.

- Bị đơn Trần Thị K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà K có ý kiến: đối với 200.000.000đ vay ngày 27/12/2014 đã trả tổng cộng 46.200.000đ tiền lãi nhưng ở cấp sơ thẩm bà T cho rằng chỉ trả được 41.200.000đ và bản án sơ thẩm tính theo ý kiến của bà T là còn thiếu 5.000.000đ, nên yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm tính trừ thêm 5.000.000đ tiền lãi đã trả mà bản án sơ thẩm chưa tính; Yêu cầu được chịu trách nhiệm trả cho bà T ½ số tiền nợ gốc của biên nhận có Đường Khắc T ký vay; Yêu cầu được trả tiền dần cho bà Tn nhiều lần; Yêu cầu xem xét cho bà K được miễn án phí theo quy định, vì bà là người cao tuổi (bà có đơn đề nghị miễn án phí).

- Bị đơn Đường Khắc T vắng mặt (lần thứ hai).

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bùi Khắc T; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn Trần Thị K, sửa bản án sơ thẩm tính trừ thêm cho bà K 5.000.000đ tiền lãi bà đã trả cho bà T mà bản án sơ thẩm chưa tính, theo sự thống nhất giữa bà T và bà K tại phiên tòa phúc thẩm; cho bà K được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định đối với người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét phần kháng cáo của bị đơn anh Đường Khắc T. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh T có đơn kháng cáo với nội dung như nêu trên, tuy nhiên mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 08/12/2017 anh T vắng mặt không có lý do, khi mở lại phiên tòa lần thứ hai anh T vẫn

vắng mặt không vì lý do bất khả kháng. Như vậy xem như anh Tuấn đã từ bỏ việc kháng cáo, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị K:

Đối với phần kháng cáo yêu cầu chia đôi, bà và anh T mỗi người chịu trách nhiệm trả cho bà T ½ số tiền 245.060.000đ trong tổng số tiền 300.000.000đ mà hai người cùng ký vay. Thấy rằng, đây là khoản nợ chung do hai người cùng vay của bà T, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà cùng anh T liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T là đúng quy định. Bà và anh T kháng cáo xin chia đôi trách nhiệm trả nợ nhưng không xác định được số nợ riêng lẽ của từng người theo quy định Điều 297 BLDS năm 2005 (Điều 287 BLDS năm 2015), mặt khác bà T không đồng ý yêu cầu chia đôi trách nhiệm trả nợ như ý kiến của bà và anh T đưa ra, vì vậy phần yêu cầu kháng cáo này của bà Kính không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với phần kháng cáo yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả. Thấy rằng, khi làm đơn kháng cáo bà K cho rằng số tiền lãi đã trả cho bà T mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa tính là 41.200.000đ, tuy nhiên qua tranh tụng trực tiếp tại phiên tòa phúc thẩm thì bà K và bà T cùng thống nhất xác định lại số tiền lãi đã trả mà ở cấp sơ thẩm chưa tính là 5.000.000đ (Cụ thể, đối với số tiền 200.000.000đ vay ngày 17/12/2014 thì tiền lãi thực tế đã trả tổng cộng là 46.200.000đ nhưng ở cấp sơ thẩm chỉ xác định là 41.200.000đ, còn thiếu 5.000.000đ), bà K yêu cầu được trừ 5.000.000đ này vào tổng số tiền lãi 18.712.500đ mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bà còn phải tiếp tục trả cho bà T, bà T đồng ý theo yêu cầu của bà K đưa ra. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên đương sự và đúng thực tế, vì theo chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện rõ đối với số tiền 200.000.000đ vay ngày 17/12/2014 thì tiền lãi bà K đã trả cho bà T tổng cộng là 46.200.000đ (bút lục 32 - 35), chứ không phải 41.200.000đ như ở cấp sơ thẩm xác định. Vì vậy cần chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo này của bà K, sửa bản án sơ thẩm xác định lại số tiền bà K còn phải trả cho bà Tuyến là 253.712.500đ, gồm 240.000.000đ gốc và 13.712.500đ lãi (18.712.500đ - 5.000.000đ).

Đối với phần kháng cáo yêu cầu được trả dần. Thấy rằng, theo quy định của pháp luật nếu các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về thời gian, phương thức thực hiện nghĩa vụ dân sự (trả nợ) thì Tòa án không có quyền quyết định thời gian, phương thức các đương sự thực hiện nghĩa vụ, mà chỉ quyết định buộc thực hiện nghĩa vụ gì, số lượng bao nhiêu, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cơ quan Thi hành án dân sự sẽ đưa bản án ra thi hành theo trình tự thủ tục, thời gian, phương thức mà pháp luật về thi hành án dân sự đã quy định. Do đó đối với vụ án này, giữa bà T và bà K không tự thỏa thuận được về thời gian, phương thức bà Kính trả tiền cho bà T thì Tòa án không thể chấp nhận ý kiến yêu cầu được trả dần của bà K đưa ra, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định về thời gian, phương thức bà K trả tiền cho bà

T là đúng quy định. Vì vậy phần yêu cầu kháng cáo này của bà K không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin miễn án phí. Thấy rằng, ngoài yêu cầu xin miễn, giảm án phí nêu trong đơn kháng cáo có kèm theo văn bản xác nhận của chính quyền địa phương, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà K có đơn đề nghị được miễn án phí do là người cao tuổi. Qua chứng cứ có trong hồ sơ xác định được bà K là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và bà đã có thủ tục đề nghị được miễn án phí đúng quy định tại Điều 14 của Nghị quyết này, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận miễn án phí cho bà K theo quy định.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sư sơ thẩm:

+ Đối với bị đơn Trần Thị K, được miễn án phí dân sự sơ thẩm như đã nêu trên.

+ Đối với bị đơn Đường Khắc T, anh T cùng bà K có nghĩa vụ trả cho bà T 245.060.000đ nên cả hai người phải chịu án phí đối với số tiền này, tuy nhiên bà K được miễn án phí, do đó anh T phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ trả nợ của anh là 6.126.500đ (tính mỗi người có nghĩa vụ trả nợ tương đương nhau 122.530.000đ x 5% = 6.126.500đ).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Đối với bị đơn Trần Thị K, kháng cáo của bà được chấp nhận một phần và bản án sơ thẩm bị sửa có liên quan đến kháng cáo của bà nên bà không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, mặt khác bà cũng thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm như đã nêu trên. Do đó hoàn trả lại cho bà K số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

+ Đối với bị đơn Đường Khắc T có kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của anh nên số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà anh đã nộp sẽ sung vào công quỹ nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 18 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4]. Về trách nhiệm chịu lãi chậm thi hành án, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm quy định việc phải chịu lãi chậm thi hành án "theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định…." là không chính xác, không đúng hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, mà phải ghi là theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Từ các phân tích trên, qua thảo luận và nghị bàn Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Trần Thị K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nêu.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn Đường Khắc T.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Trần Thị K.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, khoản 1, 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 điều 15, khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T.

[1]. Buộc bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị T số tiền vay gốc là **245.060.000đ** (Hai trăm bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng).

[2]. Buộc bà Trần Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị Tuyến 240.000.000đ vốn và 13.712.500đ lãi, tổng cộng là **253.712.500đ** (Hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Tạ Thị T nếu bà Trần Thị K, anh Đường Khắc T không trả hoặc trả không đủ cho bà T các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà K, anh T còn phải trả tiền lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3]. Về án phí:

- Anh Đường Khắc T phải chịu **6.126.500đ** (Sáu triệu một trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị K; bà K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà Kính **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009386 ngày 15/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Tạ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà T **13.250.000đ** (Mười ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003303 ngày 15/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Sung vào công quỹ nhà nước **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh Đường Khắc T đã nộp theo biên lai thu số 0009387 ngày 15/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**** Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh KG.
- TAND thành phố Rạch Giá;
- T.H.A DS thành phố Rạch Giá;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Lịnh